

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2022/DS-ST

Ngày: 04-11-2022

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lý.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T; địa chỉ: 118 đường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H; địa chỉ: 46/19 đường N, tổ 1, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Tá T1; địa chỉ: 46/19 đường N, tổ 1, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2022, nguyên đơn là bà Trương Thị T trình bày:*

Ngày 17-6-2021, bà cho bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 vay 120.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thoả thuận.

Sau khi đáo hạn xong, bà Phạm Thị H đã trả cho bà 4.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 cứ hứa hẹn mà không trả nợ gốc và số tiền lãi còn lại cho bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 phải trả cho bà 120.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi với mức lãi 1,67%/tháng trên nợ gốc tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử, giải quyết vụ án.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1. Tuy nhiên, bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Do ông Bùi Tá T1 không ký tên vào giấy mượn tiền và ông Bùi Tá T1 cũng không đến Toà án để tham gia tố tụng nên bà yêu cầu bà Phạm Thị H phải trả cho bà 120.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi với mức lãi 0,833%/tháng trên số nợ gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử, giải quyết vụ án (trừ đi 4.000.000 đồng tiền lãi mà bà đã nhận của bà Phạm Thị H).

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về việc buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T 120.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Trương Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 14-6-2022, bà Trương Thị T không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng

vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 17-6-2021, bà Phạm Thị H vay của bà Trương Thị T 120.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc.

Khi vay, các bên có lập văn bản và ký xác nhận việc vay tiền. Sau đó, bà Trương Thị T đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Phạm Thị H không trả nợ gốc và tiền lãi cho bà Trương Thị T. Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên bà Trương Thị T yêu cầu Tòa án xử buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T 120.000.000 đồng nợ gốc theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 17-6-2021.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà Trương Thị T và bà Phạm Thị H được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà Phạm Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Trương Thị T khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T 120.000.000 đồng nợ gốc.

Về tiền lãi: Bà Trương Thị T yêu cầu bà Phạm Thị H phải trả tiền lãi của 120.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi suất là 0,833%/tháng tính từ ngày 17-6-2021 đến ngày 04-11-2022.

Yêu cầu này của bà Trương Thị T hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật về dân sự, nên được chấp nhận. Do vậy, tiền lãi mà bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T được tính như sau:

Từ ngày 17-6-2021 đến ngày 04-11-2022 là 503 ngày: $120.000.000 \text{ đồng} \times 503 \text{ ngày} \times 0,833\%/30 \text{ ngày} = 16.537.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày vay cho đến nay, bà Trương Thị T đã nhận của bà Phạm Thị H 4.000.000 đồng tiền lãi nên bà Phạm Thị H còn phải trả cho bà Trương Thị T 12.537.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số nợ gốc và tiền lãi mà bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T là: $120.000.000 \text{ đồng} + 12.537.000 \text{ đồng} = 132.537.000 \text{ đồng}$.

[3] Khi vay tiền, bà Phạm Thị H giao cho bà Trương Thị T giữ bản gốc của căn cước công dân số 034180012188 của bà Phạm Thị H, sổ bảo hiểm xã hội mã số 3800001724 của bà Phạm Thị H (cấp lần 2) và sổ bảo hiểm xã hội mã số 3898004091 của ông Bùi Tá T1 (cấp lần 2); vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc bà Trương Thị T phải trả lại cho bà Phạm Thị H bản gốc của các giấy tờ nói trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu 6.627.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trương Thị T 132.537.000 đồng (*trong đó có 120.000.000 đồng nợ gốc và 12.537.000 đồng tiền lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Trương Thị T có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phạm Thị H bản gốc của các giấy tờ sau đây: Căn cước công dân số 034180012188 của bà Phạm Thị H, sổ bảo hiểm xã hội mã số 3800001724 của bà Phạm Thị H (cấp lần 2) và sổ bảo hiểm xã hội mã số 3898004091 của ông Bùi Tá T1 (cấp lần 2).

Nếu bà Trương Thị T không thực hiện nghĩa vụ nói trên, bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại các giấy tờ nói trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 6.627.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trương Thị T 3.595.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001923 ngày 20-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 04-11-2022. Bà Phạm Thị H và ông Bùi Tá T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền